

**ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM**

NGUYỄN VĂN HỘ
(Biên tập và sắp xếp tư liệu)

**CƠ SỞ PHÁP LÝ TRONG GIÁO DỤC
VÀ QUẢN LÝ GIÁO DỤC**

(Giáo trình phục vụ học viên Cao học thạc sĩ Quản lý giáo dục)

THÁI NGUYÊN, NĂM HỌC 2007- 2008

CHƯƠNG I: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ CƠ SỞ PHÁP LÝ TRONG GIÁO DỤC VÀ QUẢN LÝ GIÁO DỤC

I. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ PHÁP LUẬT.

1. Khái niệm về pháp luật

1.1. Nguồn gốc pháp luật:

Tim hiểu và giải thích nguyên nhân phát sinh, phát triển của pháp luật giúp ta biết rõ bản chất và những qui luật phát triển của nó.

Cùng với nhà nước, pháp luật xuất hiện khi xã hội loài người đã phát triển đến một giai đoạn nhất định. Pháp luật vận động và phát triển theo những điều kiện khách quan.

Trong xã hội cộng sản nguyên thủy chưa có pháp luật, nhưng đã tồn tại những quy tắc xử sự chung thống nhất. Đó là các quy phạm xã hội.

Quy phạm xã hội là quy tắc xử sự thể hiện ý chí chung của các thành viên trong xã hội được mọi người tự giác tuân theo.

Quy phạm xã hội gồm các tập quán và các tín điều tôn giáo. Chúng luôn luôn gắn liền với các quy phạm đạo đức và nhiều khi chúng đồng nhất với nhau.

Khi xã hội loài người phân chia thành giai cấp thì nhà nước xuất hiện. Những nguyên nhân làm phát sinh nhà nước cũng là những nguyên nhân dẫn đến sự ra đời của pháp luật.

Trong điều kiện lịch sử có những xung đột về lợi ích giai cấp diễn ra gay gắt và cuộc đấu tranh giai cấp là không thể điều hoà được, thì cần thiết phải có một loại quy phạm mới để thiết lập cho xã hội một “trật tự”, một loại quy phạm chỉ thể hiện ý chí của giai cấp thống trị đó là quy phạm pháp luật.

Hệ thống pháp luật của các nhà nước được dần dần hình thành từng bước. Giai cấp thống trị tìm cách vận dụng các tập quán để phục vụ lợi ích của giai cấp mình, dần dần nâng chúng thành các quy phạm pháp luật.

Hệ thống pháp luật của các nhà nước còn được hình thành từ một nguồn khác các văn bản do các cơ quan nhà nước ban hành.

Như vậy pháp luật là hệ thống các quy phạm do nhà nước ban hành, thể hiện ý chí của giai cấp thống trị. Pháp luật ra đời cùng với nhà nước. Pháp luật là công cụ sắc bén để thể hiện quyền lực nhà nước, duy trì địa vị và bảo vệ lợi ích của giai cấp thống trị. Nhà nước ban hành ra pháp luật và bảo đảm cho pháp luật được thực hiện. Pháp

luật là sản phẩm của cuộc đấu tranh giai cấp.

1.2. Những đặc điểm chung của pháp luật.

- Pháp luật là sự thể hiện ý chí của giai cấp cầm quyền.

Từ sự phân tích nguồn gốc của pháp luật, có thể thấy rằng pháp luật ra đời từ nhu cầu bảo vệ lợi ích của giai cấp thống trị, thể hiện ý chí của giai cấp đó. Vì vậy, xét về bản chất, pháp luật luôn luôn mang tính giai cấp sâu sắc. Tuy nhiên, ý chí của giai cấp thống trị thể hiện trong pháp luật không phải là ý muốn chủ quan của một cá nhân, một nhóm người nào trong giai cấp thống trị, mà chính nó cũng bị quy định một cách khách quan do lợi ích kinh tế của giai cấp đó quyết định. Khi nói về bản chất của pháp luật tư sản, C. Mác và F. Ăngghen đã viết: "Pháp luật của các ông chẳng qua cũng chỉ là ý chí của giai cấp các ông được đề lên thành luật mà thôi. Cái ý chí mà nội dung là do những điều kiện sinh hoạt vật chất của giai cấp các ông quyết định." (C. Mác- Ăngghen: Tuyển tập Tập 1. NXB Sự thật. Hà nội. 1962. Trang 42).

Vì vậy khi nói pháp luật là sự thể hiện ý chí của giai cấp thống trị cũng có nghĩa là khẳng định tính chất giai cấp và tính chất bị quy định bởi những điều kiện kinh tế khách quan của nó.

- Pháp luật là hệ thống những quy tắc xử sự có tính bắt buộc chung.

Pháp luật là khuôn mẫu, là tiêu chuẩn của hành vi và cách xử sự của con người do nhà nước đặt ra và đảm bảo sự thực hiện. Trong các mối quan hệ xã hội, con người căn cứ vào quy tắc đó mà xác định hành vi của mình, xem mình được làm gì, phải làm gì hoặc không được làm gì, nếu vượt quá giới hạn đó là vi phạm pháp luật. Khoa học pháp lý gọi các quy tắc xử sự đó là các quy phạm. Tính quy phạm là đặc trưng vốn có của pháp luật nói chung.

Trong thực tế đời sống xã hội có rất nhiều mối quan hệ qua lại giữa con người với nhau. Những mối quan hệ ấy rất phức tạp, được thể hiện trên nhiều lĩnh vực khác nhau. Vì vậy, các quy tắc xử sự của pháp luật không thể là quy tắc lẻ tẻ, rời rạc mà chúng là một hệ thống của rất nhiều các quy tắc cụ thể, có sự thống nhất bên trong. Cơ sở tạo nên sự thống nhất ấy chính là ý chí của giai cấp thống trị.

Các quy tắc xử sự của pháp luật có tính bắt buộc chung. Pháp luật là mệnh lệnh của nhà nước, tất cả mọi thành viên của xã hội đều phải tuân theo. Việc tuân theo các quy tắc xử sự chung ấy không phụ thuộc vào ý muốn chủ quan của con người. Tính bắt buộc chung của pháp luật gọi là tính cưỡng chế, một thuộc tính cơ bản của pháp luật.

- Pháp luật do nhà nước đặt ra và đảm bảo việc thực hiện.

Thông qua bộ máy nhà nước, giai cấp thống trị thể hiện ý chí của mình dưới những hình thức thích hợp của luật pháp. Nhà nước làm ra luật pháp và đảm bảo cho việc thực hiện bằng bộ máy cưỡng chế của nhà nước. Đây cũng là điểm khác nhau cơ bản để phân biệt các quy phạm pháp luật với các quy phạm xã hội khác như đạo đức,

phong tục tập quán, tôn giáo...) tính cưỡng chế Của pháp luật cũng khác với tính cưỡng chế của các qui phạm khác ở chỗ đó là sự cưỡng chế mang tính nhà nước, do nhà nước tiến hành. Nếu pháp luật làm ra không được tôn trọng và thực hiện thì nhà nước đã suy tàn, nhà nước không còn là nhà nước nữa.

1.2. Bản chất của pháp luật.

Pháp luật chỉ phát sinh, tồn tại và phát triển trong xã hội có giai cấp. *Bản chất mà pháp luật thể hiện ở tính giai cấp của nó, không có pháp luật nào không mang tính giai cấp.*

- *Tính chất giai cấp của pháp luật thể hiện ở chỗ:*

+ Pháp luật chỉ phản ánh ý chí nhà nước của giai cấp thống trị trong xã hội. Nội dung của ý chí đó được qui định bởi điều kiện sinh hoạt vật chất của giai cấp thống trị. Giai cấp thống trị là giai cấp có quyền lực nhà nước trong tay. Thông qua nhà nước, giai cấp thống trị thể hiện ý chí nhà nước bằng pháp luật. Nhà nước ban hành và bảo đảm cho pháp luật được thực hiện. Vì vậy pháp luật là những quy tắc xử sự chung có tính bắt buộc đối với mọi người.

+ Tính giai cấp của pháp luật còn thể hiện ở mục đích điều chỉnh các quan hệ xã hội. Pháp luật là nhân tố điều chỉnh về mặt giai cấp các quan hệ xã hội nhằm hướng các quan hệ xã hội phát triển theo một "trật tự" phù hợp với ý chí của giai cấp thống trị bảo vệ và củng cố địa vị của giai cấp thống trị. Pháp luật chính là công cụ để thực hiện sự thống trị giai cấp.

Trong những điều kiện lịch sử nhất định, lợi ích của giai cấp thống trị có khi phù hợp với lợi ích của các giai cấp, các tầng lớp khác trong xã hội, tức là phù hợp với lợi ích của toàn dân tộc. (Ví dụ: trong các cuộc kháng chiến trước đây của toàn thể dân tộc ta chống lại bọn xâm lược phương bắc, lợi ích của các giai cấp, các tầng lớp trong xã hội hài hoà trong lợi ích của toàn dân tộc). Trong những thời điểm đó, pháp luật phản ánh những lợi ích chung của cả xã hội, cả dân tộc. Như vậy, ngoài tính giai cấp, pháp luật còn có tính xã hội, giá trị xã hội.

Pháp luật là công cụ để nhà nước quản lý xã hội. Pháp luật ra đời do nhu cầu bảo vệ lợi ích của giai cấp thống trị và luôn luôn gắn liền với nhà nước. Nó ra đời cùng với nhà nước, là công cụ sắc bén nhất để thực hiện quyền lực nhà nước, duy trì địa vị của giai cấp cầm quyền. Pháp luật hoàn toàn khác với các quy phạm xã hội. Các quy phạm xã hội (bao gồm chủ yếu là các tập quán) thể hiện ý chí của tất cả thành viên trong xã hội và được mọi người tự giác tuân theo. Pháp luật lại là hệ thống các quy phạm do nhà nước ban hành, thể hiện ý chí của giai cấp thống trị. Nhà nước ban hành ra pháp luật và đảm bảo cho pháp luật được thực hiện. Do đó, pháp luật là một yếu tố nằm trong thượng tầng kiến trúc xã hội. Pháp luật và nhà nước là những yếu tố mang tính quyết định để thiết lập cho xã hội một "trật tự". Nó là sản phẩm của cuộc đấu tranh giai cấp.

- Tóm lại, trong xã hội có giai cấp, giai cấp thống trị thông qua bộ máy nhà nước, đặt ra những quy tắc xử sự, bắt buộc mọi người phải tuân theo nhằm duy trì trật tự xã hội phù hợp với lợi ích của giai cấp thống trị đó. Những quy tắc xử sự ấy được gọi là pháp luật.

Định nghĩa: Pháp luật là hệ thống các quy tắc xử sự do nhà nước ban hành và bảo đảm thực hiện, thể hiện ý chí của giai cấp thống trị trong xã hội, là yếu tố điều chỉnh các quan hệ xã hội nhằm tạo ra trật tự và ổn định trong xã hội.

1.3. Vai trò, chức năng của pháp luật.

- Vai trò của pháp luật.

Cùng với nhà nước, pháp luật phát sinh và phát triển là một tất yếu khách quan, đáp ứng yêu cầu cho việc điều chỉnh các mối quan hệ xã hội. Pháp luật đưa ra những hành vi xử sự mẫu, quy định những điều được phép làm và những điều bị cấm đoán, sao cho các mối quan hệ xã hội phát triển theo hướng phù hợp với ý chí của giai cấp thống trị.

Pháp luật thể hiện ý chí của giai cấp thống trị. Thông qua bộ máy của mình, nhà nước ban hành pháp luật và đảm bảo cho việc thực hiện. Pháp luật là mệnh lệnh của nhà nước đối với toàn xã hội. Đồng thời pháp luật cũng quy định cho việc tổ chức và hoạt động của chính bản thân bộ máy nhà nước. Pháp luật bảo đảm cho xã hội có trật tự nề nếp, bảo vệ và củng cố địa vị của giai cấp thống trị.

Tính chất giai cấp của pháp luật được thể hiện theo những cách thức khác nhau, tùy thuộc vào kiểu pháp luật và nhà nước. Tương ứng với mỗi kiểu nhà nước có một kiểu pháp luật. Pháp luật chủ nô công khai quy định quyền lực vô hạn của chủ nô và địa vị nô lệ của giai cấp nô lệ. Pháp luật phong kiến thừa nhận đặc quyền, đặc lợi của giai cấp phong kiến và hạn chế tối đa quyền lợi của giai cấp nông dân. Pháp luật tư sản tuy có những tiến bộ như thiết chế dân chủ, quy định về quyền tự do cá nhân... Nhưng về thực chất nó cũng vẫn là sự thể hiện ý chí của giai cấp tư sản và bên vực, bảo vệ cho lợi ích của giai cấp tư sản. Pháp luật xã hội chủ nghĩa thể hiện ý chí của đa số nhân dân lao động trong xã hội, hướng tới công bằng, công lý và tự do.

Pháp luật còn là sự thể hiện ý chí chung của XH, của dân tộc và tiếp nhận văn minh pháp lý nhân loại. Pháp luật luôn luôn vận động và phát triển để phù hợp với sự phát triển của xã hội. Pháp luật phải đưa ra những quy định, những hành vi xử sự mẫu hợp lý, khách quan, phù hợp với ý chí của số đông trong xã hội thì mới được đa số nhân dân chấp nhận. Có như vậy pháp luật mới thể hiện được tính XH và có giá trị XH.

- *Chức năng của pháp luật.*

Pháp luật nói chung có các chức năng cơ bản sau đây:

+ *Chức năng điều chỉnh các quan hệ xã hội.*

Pháp luật là sự dự liệu của nhà nước về khả năng có thể có trong hành vi xử sự của con người. Pháp luật điều chỉnh hành vi và ý thức của con người và các mối quan hệ theo các bước:

. Xác định các mối quan hệ cơ bản trong xã hội các mối quan hệ có thuộc tính cơ bản giống nhau, có mối quan hệ mật thiết với nhau, thuộc cùng một loại thì được xếp vào thành từng nhóm, gọi là nhóm các quan hệ xã hội.

. Nhà nước làm ra một nhóm các quy phạm pháp luật, gọi là chế định pháp luật để tác động lên nhóm các quan hệ xã hội ấy, điều chỉnh các quan hệ xã hội phát triển theo hướng phù hợp với ý chí của nhà nước.

Để thực hiện được điều đó, nhà nước quy định các hình thức thực hiện pháp luật, đảm bảo cho pháp luật được thực thi trong thực tế đời sống xã hội.

+ *Chức năng bảo vệ các quan hệ xã hội được pháp luật điều chỉnh.*

Để thực hiện chức năng của mình, nhà nước có nhiều hình thức và phương pháp hoạt động khác nhau, trong đó có các hình thức hoạt động chính là: xây dựng pháp luật tổ chức thực hiện pháp luật và bảo vệ pháp luật. Đây chính là một quá trình hoạt động đảm bảo cho các quan hệ xã hội phát triển một cách bình thường và ổn định, tránh được sự xâm phạm, trong trường hợp có sự xâm hại tới các quan hệ ấy thì pháp luật cũng đã có quy định để ngăn chặn và xử lý.

+ *Chức năng giáo dục.*

Thông qua việc tuyên truyền, giải thích, giáo dục pháp luật cho mọi người mà ý thức pháp luật đã hình thành. Đó là sự tác động của pháp luật vào tình cảm, ý thức của con người, làm cho mọi người hiểu biết về pháp luật, có ý thức tôn trọng pháp luật. Từ đó mọi người sẽ tự giác xử sự theo yêu cầu của pháp luật, thực hiện nghiêm chỉnh pháp luật

II. HỆ THỐNG CÁC VĂN BẢN PHÁP LUẬT CỦA VIỆT NAM

1 - Khái niệm hệ thống văn bản pháp luật

+ *Khái niệm.*

Hiến pháp 1992 có quy định: “Nhà nước quản lý xã hội bằng pháp luật, không ngừng tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa” (Điều 12).

Để thực hiện việc quản lý đất nước bằng pháp luật, Nhà nước đã ban hành những văn bản quy phạm pháp luật. Quốc hội là cơ quan duy nhất có quyền lập hiến và lập pháp, tức là ban hành văn bản pháp luật. Chính phủ các Bộ, Hội đồng nhân dân và Ủy

ban nhân dân các cấp có quyền lập quy, nghĩa là ban hành văn bản pháp quy. Văn bản pháp luật và pháp quy có tính quyền lực đơn phương, chúng tạo thành hệ thống văn bản quy phạm pháp luật của Nhà nước ta.

Định nghĩa: Văn bản quy phạm pháp luật là văn bản do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành theo thủ tục, trình tự luật định: trong đó các quy tắc xử sự chung, được Nhà nước bảo đảm thực hiện nhằm điều chỉnh các quan hệ xã hội theo định hướng xã hội chủ nghĩa (Điều 1 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, 1996).

+ Đặc trưng:

Văn bản quy phạm pháp luật có những đặc trưng để phân biệt với văn bản áp dụng pháp luật và văn bản hành chính thông thường, đó là:

. Do các cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành theo đúng thủ tục và hình thức luật định

. Xác lập các quy tắc xử sự chung, tức là có chứa đựng các quy phạm pháp luật.

. Được áp dụng nhiều lần trong đời sống, được áp dụng trong mọi trường hợp khi có sự kiện pháp lý xảy ra.

. Tên gọi, nội dung, trình tự ban hành các loại văn bản pháp luật được quy định cụ thể trong pháp luật.

2. Các văn bản pháp luật Việt Nam.

+ Hệ thống văn bản qui phạm pháp luật bao gồm: (Điều 1 - Luật đã dẫn).

(1) Văn bản do Quốc hội ban hành: Hiến pháp, luật, nghị quyết.

Văn bản do Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành: Pháp lệnh, nghị quyết.

(2). Văn bản do các cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác ở trung ương ban hành để thi hành văn bản quy phạm pháp luật của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội:

a. Lệnh, quyết định của Chủ tịch nước.

b. Nghị quyết, nghị định của chính phủ, quyết định, chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ.

c. Quyết định, chỉ thị, thông tư của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ.

d. Nghị quyết của Hội đồng thẩm phán toà án nhân dân tối cao. Quyết định, chỉ thị, thông tư của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

đ. Nghị quyết, thông tư liên tịch giữa các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, giữa cơ quan Nhà nước có thẩm quyền với tổ chức chính trị - xã hội.

(3). Văn bản do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ban hành để thi hành văn bản quy phạm pháp luật của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội và văn bản của cơ quan Nhà nước cấp trên. Văn bản do Ủy ban nhân dân ban hành còn để thi hành nghị quyết của Hội đồng nhân dân cung cấp:

- a. Nghị quyết của Hội đồng nhân dân.
- b. Quyết định, chỉ thị của Ủy ban nhân dân.

+ *Hiệu lực của Văn bản qui phạm pháp luật:*

. Hiệu lực theo thời gian: là giới hạn xác định thời điểm phát sinh và chấm dứt hiệu lực của một văn bản qui phạm pháp luật cụ thể, thường được ghi ngay trong văn bản đó. Khi nghiên cứu một văn bản pháp luật, pháp qui nào đó phải chú ý xem xét hiệu lực theo thời gian của văn bản đó để thực hiện và áp dụng một cách chính xác, không nhầm lẫn.

. Hiệu lực theo không gian: là giới hạn tác động về không gian của một văn bản pháp luật được xác định bằng lãnh thổ quốc gia hay địa phương, hay một vùng nhất định. Trong nhiều văn bản qui phạm pháp luật không chỉ rõ hiệu lực về không gian mà nó được xác định một cách mặc nhiên theo giới hạn thẩm quyền của cơ quan ban hành những văn bản ấy. Phần lớn những văn bản do Quốc hội, Chính phủ ban hành có hiệu lực trên toàn lãnh thổ nước ta.

. Hiệu lực theo đối tượng tác động: nghĩa là xác định rõ những người phải tuân theo và chấp hành, hay được hưởng những quyền nhất định. Đối với những văn bản qui định chung thì đối tượng tác động là tất cả cơ quan, tổ chức và tất cả công dân. Những qui định về các lĩnh vực khác nhau, các ngành nghề khác nhau trong đời sống kinh tế, chính trị, xã hội chỉ có hiệu lực đối với những người hoạt động trong các lĩnh vực ấy.

+ *Hệ thống hoá pháp luật:*

. Ý nghĩa: Hệ thống hoá pháp luật là một trong những công tác có ý nghĩa rất lớn đối với việc hoàn chỉnh pháp luật và tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa. Khi tập hợp những văn bản qui phạm pháp luật và những qui định riêng lẻ lại thành một hệ thống thống nhất sẽ phát hiện được những điểm thiếu sót, chồng chéo, mâu thuẫn giữa những văn bản hay qui định ấy. Từ đó bảo đảm sự thống nhất chặt chẽ giữa các ngành luật khác nhau và làm cho việc tìm hiểu, áp dụng pháp luật được dễ dàng hơn.

. Các hình thức hệ thống hoá pháp luật:

Tập hợp hoá: là việc tập hợp những văn bản qui phạm pháp luật lại theo một trật tự nhất định (theo thời gian ban hành, theo vần chữ cái, theo thẩm quyền ban hành hoặc theo một lĩnh vực, ngành nghề...). Hệ thống hoá luật lệ theo hình thức này không làm thay đổi nội dung văn bản, không bổ sung những qui định mới mà chỉ loại ra những điều khoản đã hết hiệu lực hoặc rõ ràng là mâu thuẫn với qui định của cấp trên.

Pháp điển hoá: Đây là hoạt động của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền. nhằm không những chỉ tập hợp những qui định đã có theo một trật tự nhất định, mà còn đặt ra những qui định mới cho phù hợp với yêu cầu thực tế đời sống. Kết quả của công tác này là một văn bản qui phạm pháp luật mới được ban hành. Đó có thể là một bộ luật, một bản điều lệ...cho một ngành, một lĩnh vực.

III. HỆ THỐNG PHÁP LUẬT VIỆT NAM

1. Khái niệm về hệ thống pháp luật.

+ *Khái niệm.*

Nhà nước xây dựng và ban hành pháp luật thành từng điều có đánh số thứ tự gọi là một điều luật. Mỗi quy tắc xử sự được nêu trong điều luật còn được gọi là một quy phạm pháp luật. Có thể coi mỗi quy phạm pháp luật là một đơn vị pháp luật, một đơn vị đo lường của pháp luật.

Tổng thể các quy phạm pháp luật do Nhà nước ban hành tạo thành một hệ thống thống nhất, đó chính là hệ thống pháp luật. Tổng thể các quy phạm pháp luật ấy phải có tính thống nhất, nhất quán, không chồng chéo, mâu thuẫn nhau, phù hợp với các quan hệ xã hội mà nó điều chỉnh, tạo thành một sự hài hoà bên trong.

Sự khác biệt giữa các nhóm quan hệ xã hội được pháp luật điều chỉnh là căn cứ, là tiêu chuẩn cơ bản để phân định các quy phạm pháp luật trong hệ thống pháp luật thống nhất thành các bộ phận quy phạm pháp luật, chế định pháp luật và ngành luật:

Quy phạm pháp luật là quy tắc của hành vi, có tính bắt buộc chung, do Nhà nước đặt ra và đảm bảo cho việc thực hiện, nhằm điều chỉnh một quan hệ xã hội nhất định. Quy phạm pháp luật là yếu tố đầu tiên trong hệ thống pháp luật, là thước đo (khuôn mẫu, chuẩn mực) giống nhau cho những người khác nhau trong xã hội.

Chế định pháp luật bao gồm một nhóm những quy phạm pháp luật điều chỉnh những quan hệ xã hội gần gũi, có mối liên hệ mật thiết với nhau và thuộc cùng một loại. Chẳng hạn chế định về công dân trong ngành Luật nhà nước, chế định về sở hữu trong dân luật, chế định về tiền lương trong ngành Luật lao động ...

Ngành luật bao gồm nhiều quy phạm pháp luật và chế định pháp luật, điều chỉnh một loại quan hệ xã hội thuộc một lĩnh vực nhất định của đời sống xã hội. Mỗi ngành luật có đối tượng và phương pháp điều chỉnh riêng.

+ *Các ngành luật trong hệ thống pháp luật của Nhà nước ta.*

Căn cứ vào đối tượng điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh mà người ta phân định ra các ngành luật.

. *Luật Nhà nước* (còn gọi là Luật Hiến pháp): là ngành luật giữ vai trò quan trọng và là xuất phát điểm của toàn bộ hệ thống pháp luật. Ngành luật này bao gồm những qui phạm pháp luật điều chỉnh các quan hệ XH cơ bản nhất trong chế độ chính trị - xã hội của nhà nước. Các qui phạm của ngành luật nhà nước củng cố và bảo vệ chế độ chính trị, kinh tế, văn hoá, XH của đất nước; xác định quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân; qui định cơ cấu và nguyên tắc cơ bản về tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước.

Trong hệ thống pháp luật của nước ta, Luật Nhà nước giữ vai trò chủ đạo do tính chất của các quan hệ xã hội mà nó điều chỉnh. Luật Nhà nước bảo đảm cho sự thống nhất của hệ thống pháp luật. Nhiều qui phạm của nó trở thành nguyên tắc cơ bản để phát triển các ngành luật khác. Từ khi thành lập nước (Tháng Tám 1945) đến nay, Nhà nước ta đã bốn lần ban hành Hiến pháp vào các năm: 1945, 1959, 1980, 1992.

. *Luật Hành chính*; điều chỉnh các quan hệ xã hội hình thành trong quá trình tổ chức và hoạt động chấp hành và điều hành của các cơ quan nhà nước thực hiện việc quản lý của Nhà nước trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hoá, giáo dục, xã hội. Hoạt động quản lý nhà nước là hoạt động chấp hành, điều hành diễn ra giữa một bên là cơ quan nhà nước với bên kia là cơ quan nhà nước khác, tổ chức xã hội hoặc công dân.

. *Luật Tài chính* điều chỉnh những quan hệ xã hội phát sinh trong lĩnh vực hoạt động tài chính của nhà nước như việc lập, phê chuẩn và sử dụng ngân sách nhà nước, việc chi tiêu và tín dụng, việc qui định và thu các loại thuế, kỷ luật tài chính...

. *Luật Đất đai* điều chỉnh những quan hệ xã hội phát sinh trong lĩnh vực phân phối và sử dụng đất đai, trong đó đất đai là tư liệu sản xuất do Nhà nước thống nhất quản lý. Các qui phạm của luật đất đai qui định các nguyên tắc về quản lý và sử dụng đất đai, chế độ quản lý nhà nước về đất đai, chế độ sử dụng đất đai, quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất

. *Luật Dân sự* điều chỉnh những quan hệ tài sản dưới hình thức giá trị hàng hoá, tiền tệ, những quan hệ nhân thân phi tài sản như quyền tác giả, quyền sáng chế phát minh, quyền sở hữu công nghiệp... Phương pháp điều chỉnh của Luật dân sự là bình đẳng và thoả thuận.

Bộ Luật Dân sự của Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã được Quốc hội khoá IX kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 28.10.1995 gồm 7 phần, 838 điều, bắt đầu có hiệu lực từ ngày 1.7.1996.

. *Luật Tố tụng dân sự* điều chỉnh những quan hệ giữa các cơ quan xét xử với Viện kiểm sát, với các đương sự và những người, những tổ chức khác tham gia tố tụng dân sự kinh tế, lao động, hôn nhân gia đình....) quy định thẩm quyền xét xử, trình tự và thủ tục xét xử (khởi kiện dân sự và khởi tố vụ án dân sự, thụ lý vụ án, điều tra, hoà giải, xét xử và thi hành án dân sự).